Chi tiết mã HS 8802.40.10

Mã HS	8802.40.10
Mô tả hàng hóa	Phương tiện bay khác (ví dụ, trực thăng, máy bay); trừ phương tiện bay không người lái thuộc nhóm 88.06; tàu vũ trụ (kể cả vệ tinh) và tàu bay trong quĩ đạo và phương tiện đẩy để phóng tàu vũ trụ / - Máy bay và phương tiện bay khác, có trọng lượng không tải trên 15.000kg: / - - Máy bay
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 10:24:32
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/88024010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17755
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17755
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL2		BT2026!Q17755
Thuế tiêu thụ đặc biệt	30	30%	66/2025/QH15	2025-06-14	BT2026!CG17755
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17071
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17000
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17000
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17000
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17000
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17000
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17000
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17056
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17056
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17056
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17056

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17056
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17056
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17057
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17057
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17057
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17057
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17057
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17057
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17062
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17018
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17014
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17014
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17014
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17014
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17014
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17014
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17060
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17060
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17060
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17060
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17060
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17060
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17122
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17122
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17122
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17122

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17122
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17122
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17098
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17098
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17098
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17098
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17098
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17098
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17093
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17093
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17093
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17093
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17093
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17093
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17123
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17123
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17123
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17123
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17123
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17123
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17122
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17122
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17122
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17122
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17122
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17122

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17216
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17216
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17216
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17216
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17216
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17216
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17216
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17085
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17085
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17085
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17085
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17085
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17085
RCEP B	2022	2022	0	B!D17085
RCEP B	2023	2023	0	B!E17085
RCEP B	2024	2024	0	B!F17085
RCEP B	2025	2025	0	B!G17085
RCEP B	2026	2026	0	B!H17085
RCEP B	2027	2027	0	B!I17085
RCEP C	2022	2022	0	C!D17083
RCEP C	2023	2023	0	C!E17083
RCEP C	2024	2024	0	C!F17083
RCEP C	2025	2025	0	C!G17083
RCEP C	2026	2026	0	C!H17083
RCEP C	2027	2027	0	C!I17083
RCEP D	2022	2022	0	D!D17082

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17082
RCEP D	2024	2024	0	D!F17082
RCEP D	2025	2025	0	D!G17082
RCEP D	2026	2026	0	D!H17082
RCEP D	2027	2027	0	D!I17082
RCEP E	2022	2022	0	E!D17086
RCEP E	2023	2023	0	E!E17086
RCEP E	2024	2024	0	E!F17086
RCEP E	2025	2025	0	E!G17086
RCEP E	2026	2026	0	E!H17086
RCEP E	2027	2027	0	E!I17086
RCEP F	2022	2022	0	F!D17085
RCEP F	2023	2023	0	F!E17085
RCEP F	2024	2024	0	F!F17085
RCEP F	2025	2025	0	F!G17085
RCEP F	2026	2026	0	F!H17085
RCEP F	2027	2027	0	F!I17085
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16025
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16025
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16025
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16025

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Cấm XK, NK thuộc QLCN của BQP (173/2018/TT-BQP)		173/2018/TT-BQP	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH NK phải làm thủ tục HQ tại CK nhập (23/2019/QĐ-TTg)		23/2019/QĐ-TTg	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8802.40 có 2 dòng thuế; dòng 8802.40.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Máy bay.	8802.40.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL2: Máy bay, trực thăng, tàu lượn		174/2025/NĐ-CP - PL2	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-002	YELLOW	Chịu thuế tiêu thụ đặc biệt	Cột TTĐB ghi “30”.		66/2025/QH15	Xác định mức thuế TTĐB theo Biểu thuế TTĐB 2026 (Luật 66/2025/QH15).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8802.40.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8802.40.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17755), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH NK phải làm thủ tục HQ tại CK nhập (23/2019/QĐ-TTg)
Cấm XK, NK thuộc QLCN của BQP (173/2018/TT-BQP)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.